|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 7 - TIẾT 31**  Ngày soạn : ..................  Ngày dạy :.................... | **TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1** |

**A.MỤC TIÊU**

- Hiểu và nhận ra những ưu điểm, nhược điểm trong bài viết của mình và biết cách sửa lỗi đó. Điều chỉnh quá trình dạy học.

- Củng cố cho h/s về cách sử dụng yếu tố nghệ thuật, miêu tả, tự sự trong văn thuyế minh.

. Rèn kỹ năng tự chữa bài.

- Bồi dưỡng ý thức tự giác, tích cực của Hs.

***\* Phát triển năng lực***: Hiểu và sử dụng ngôn ngữ phù hợp, có hiệu quả trong giao tiếp theo 4 kỹ năng đọc, viết, nghe, nói.

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Bài làm của HS.

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- PP phân tích...

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**I. ĐỀ BÀI- ĐÁP ÁN**

**1.**Chép lại đề lên bảng.

Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở địa phương.

2.Nêu yêu cầu và đáp án chấm bài.

**II.HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT**.

- Văn bản em viết về đối tương nào? Em đã triển khai theo cấu trúc chưa?

- Cách sáp xếp bố cục đã thể hiện được tính thống nhất chủ đề của văn bản chưa?

- Bài viết gồm mấy đoạn? Mỗi đoạn có đảm bảo dấu hiệu hình thức và trình bày một nọi dung hoàn chỉnh chưa?

- Theo em mức độ bài viết với số điểm cô giáo đánh giá đã hợp lí chưa? ý kiến của em?

III. ĐÁNH GIÁ ƯU / NHƯỢC ĐIỂM BÀI LÀM CỦA HS

IV. CHỮA LỖI:

V. KẾT QUẢ:

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 7 - TIẾT 32**  Ngày soạn : ..................  Ngày dạy :.................... | **KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**  ***( Truyện Kiều – Nguyễn Du)*** |

**A.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Thông qua bài hs cảm nhận được tâm trạng cô đơn buồn tủi, nỗi niềm thương nhớ, tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. H nắm được đoạn thơ tả cảnh ngụ tình, cảnh thấm đẫm tâm trạng, tâm trạng của nhân vật trào dâng nỗi buồn, nỗi cô đơn rợn ngợp, ngơ ngác trước biển trời bao la.

-H nắm được ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

2 Rèn kỹ năng phân tích hình ảnh thơ và tâm trạng nhân vật qua ngoại cảnh.

-Thấy được ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật miêu tả nội tâm, tả cảnh ngụ tình... tài tình của Nguyễn Du.

***2. Kĩ năng***: Bổ sung kiến thức đọc hiểu văn bản truyện thơ trung đại.

Rèn kĩ năng phân tích nghệ thuật miêu tả nội tâm, ngôn ngữ độc thoại...

Phân tích tâm trạng nhân vật qua đoạn trích.

Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong đoạn trích.

***3. Thái độ*** : Giáo dục lòng cảm thông với những cuộc đời bất hạnh.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ.

– Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại (thể thơ lục bát và các thủ pháp nghệ thuật đặc trưng của thơ trung đại: tả kết hợp với gợi, tả cảnh ngụ tình, cách sử dụng từ ngữ; nghệ thuật khắc hoạ nội tâm nhân vật bằng ngôn ngữ độc thoại... từ đó cảm nhận và trình bày được vẻ đẹp của thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật).

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (qua việc cảm thụ vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ và hình tượng nghệ thuật...).

– Năng lực sử dụng tiếng Việt và giao tiếp (thông qua việc thực hành sử dụng từ ngữ đúng ngữ nghĩa và văn cảnh; viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, qua các hoạt động nhóm, thuyết trình...).

– Năng lực tạo lập văn bản qua việc viết một bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả.

– Năng lực cảm thụ thẩm mĩ (thông qua việc nhận ra vẻ đẹp về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản).

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Tư liệu về *Truyện Kiều.*

- Bài tập đọc hiểu.

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Kĩ thuật đọc sáng tạo: Đọc diễn cảm đoạn trích.

- Kĩ thuật động não:Suy nghĩ phân tích nội dung, nghệ thuật đoạn trích Truyện Kiều.

- Kĩ thuật thảo luận nhóm: Hs thảo luận tìm nội dung theo câu hỏi của Gv.

- Kĩ thuật trình bày một phút: Trình bày suy nghĩ, cảm nhận sau khi học đoạn trích

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

Quan sát - tóm tắt đoạn trong ***Truyện Kiều*** có liên quan đến hình ảnh.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***C:\Users\Administrator\Desktop\K2.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\K3.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\K2.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\K.jpg*** |

***Gv sử dụng phương pháp thuyết trình:***

*Thiên nhiên trong Truyện Kiều đại thi hào Nguyễn Du đã đi về đây đó khắp cả cốt truyện. Bên cạnh những bức tranh phong cảnh hữu tình là những bức tranh cảnh ngụ tình đặc sắc, có thể nói đây là một trong số những thành công tiêu biểu của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả. “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” là đoạn trích điển hình cho nghệ thuật này.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***I.Tìm hiểu chung***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Đọc thầm chú thích SGK.  - Xác định vị trí đoạn trích?  - Tóm tắt truyện từ VB trước đến VB này?  - Gọi HS nhận xét, bổ sung**.** | **1.Vị trí đoạn trích:**  -Thuộc phần II: Gia biến và lưu lạc (Từ câu 1033 đến câu 1055).  **2. Nội dung**: tâm trạng của Thúy Kiều khi ơ laug Ngưng Bích. |

***II.Đọc –hiểu văn bản:***

|  |  |
| --- | --- |
| **H. ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - GV hướng dẫn đọc.  - G đọc 6 câu đầu. Gọi HS đọc tiếp.  - ***Khoá xuân***là gì?  - Đọc thầm và chia bố cục bài thơ?  - Gọi HS nhận xét. | **1. Đọc văn bản.**  Hs đọc văn bản.  **2. Bố cục**.( 3 phần )  - P1: Sáu câu đầu: Tâm trạng của Kiều trước cảnh Lầu Ngưng Bích.  - P2: Tám câu tiếp: Tâm trạng Kiều khi nghĩ về người thân.  - P3: Tám câu cuối: Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về bản thân. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Cảnh thiên nhiên lầu NB trong cảm nhận của Kiều như thế nào?  - Cảnh vật được hiện ra với những nét đặc sắc nào?  - Tg sử dụng nghệ thuật gì để tả cảnh?  - Nhận xét về màu sắc và đường nét của cảnh vật? Qua đó nêu cảm nhận của em về cảnh lầu NB?  - Theo dõi chú thích và cho biết ý nghĩa cụm từ “ Mây sớm đèn khuya”? Thời gian?  + Vị trí câu thơ thứ 6 có giá trị như thế nào trong mạch cảm xúc của nhân vật?  - Đọc câu thơ bộc lộ rõ nhất tâm trạng của Kiều?  + Từ : *Bẽ bàng?*Vì sao Kiều thấy *bẽ bàng?*  Đó là tâm trạng gì? cảnh như thế nào? | **3. Phân tích.**  **a. Cảnh trước cảnh lầu Ngưng Bích.**  - Khóa xuân: - giam lỏng.  - Vẻ non xa - Tấm trăng gần  - Bốn bề bát ngát => Tg sử dụng h. ảnh ước lệ  - cát vàng cồn nọ- bụi hồng dặm kia =>TT gợi đường nét bề bộn, màu sắc nhạt nhoà, hư ảo => sự ngổn ngang bề bộn của lòng người.  + **Không gian:**rộng lớn, rợn ngợp, hiu quạnh. Không gian càng rộng lớn con người càng nhỏ bé. Cái vắng lặng của không gian khắc sâu thêm nỗi cô đơn của lòng người.  + **Thời gian:** mây sớm đèn khuya -> sự tuần hoàn khép kín của thời gian-Thời gian đằng đẵng kéo dài ngày dài rồi lại đêm thâu.=> sự cô đơn hiu quạnh của nàng Kiều.  + **Con người**:Bẽ bàng: Xấu hổ, tủi thẹn  *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*=> Cảnh đẹp - tình buồn khiến lòng người tan bát, đau thương. Câu thơ khép lại thế giới ngoại cảnh, mở ra thế giới tâm cảnh. |

*GV: Cảnh lầu Ngưng Bích được miêu tả qua cái nhìn đầy tâm trạng của Kiều. Sau biến cố đau đớn của cuộc đời, Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích trong nỗi đau đớn, tủi cực. Chính vậy cảnh vật cũng nhuốm màu tâm trạng:*

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*

*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Gọi HS nêu ý câu thơ: *Tưởng người…chờ*?  *+Tin sương?*  - Điều đó cho em hiểu Thúy Kiều đối với Kim Trọng như thế nào?  - Nghĩ đến mình, Thúy Kiều đã khẳng định điều gì?  - Chân trời góc bể ?  **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  -Em hiểu gì về hình ảnh ***tấm son***? Hình ảnh ***tấm son*** gợi cho em sự liên tưởng tới câu thơ nào trong chương trình đã học?  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Tìm và giải thích các điển tích trong những câu thơ trên?  -Theo em , nỗi nhớ cha mẹ của Kiều được thể hiện ở những khía cạnh nào?  - Qua 8 câu thơ em hiểu thêm gì về TK- Con người tài sắc ấy? | b. Nỗi nhớ người thân  \* Nhớ Kim Trọng:  - Tưởng...chén đồng-> Nhớ đêm trăng thề hẹn, đính ước cùng Kim Trọng.  - Tin sương...- thương người yêu đang mong tin  - Bên trời...-> thương cho phận mình trên bước đường bơ vơ lưu lạc.  - **Tấm son** gột rửa bao giờ cho phai  + Lòng thuỷ chung không phai nhạt của Kiều dành cho Kim Trọng.  +Tấm lòng son của Kiều hoen ố biết bao giờ gột rửa được?  -> Tình cảm sâu nặng với mối tình đầu.  *=> Ngôn ngữ độc thoại nội tâm: Lòng thủy chung son sắt.*  **\* Nhớ cha mẹ:**  **-**Xót người tựa cửa hôm mai => Xót xa cho cha mẹ già vẫn ngày đêm mong ngóng đứa con lưu lạc  - Quạt nồng ấp lạnh... - câu hỏi thương cho tuổi già của cha mẹ thiếu mình phụng dưỡng  - Sân lai, gốc tử - điển tích  - Biết mẫy nắng mưa- Lời thơ đa nghĩa  => cảnh vật đã thay đổi do sự tan phá của thời gian - diễn tả sự day dắt, lo lắng, nỗi nhớ thương, sự dằn vặt về bổn phận, trách nhiệm của người làm con.  *=> Ngôn ngữ độc thoại nội tâm: Lòng hiếu thảo của Kiều*. |

\* **GV tổng hợp**: *Trong cảnh ngộ ấy, Kiều là người đáng thương nhất, nhưng nàng quên bản thân để nghĩ về người yêu, cha mẹ. Kiều là người tình chung thuỷ, người con hiếu thảo và giàu đức hy sinh.*

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG**

**Đọc kỹ phần văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luống những rày trông mai chờ*

*Chân trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

(“ Kiều ở lầu Ngưng Bích” - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập I)

1.Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

**2. a.**Cụm từ “tấm son” có nghĩa gì?

**b.** Có thể đổi vị trí hai từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên được không? Vì sao?

3.Em hãy nhận xét về trình tự thương nhớ của Thúy Kiều trong đoạn trích trên. Theo em thứ tự đó có hợp lý không?

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN:**  - GV phát bài tập cho HS.  - Tổ chức cho HS làm bài.  - Gọi HS trình bày-rút kinh nghiệm. | - HS nhận bài tập.  - Tích cực suy nghĩ, làm bài.  -Nhận xét. |

HƯỚNG DẪN:

|  |
| --- |
| 1.Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  2.a.“Tấm son” thể hiện tấm lòng son sắt, thủy chung của Kiều dành cho Kim Trọng không bao giờ nhạt phai.  - Cũng có thể Kiều đang cảm thấy tủi hờn, nhục nhã khi tấm lòng son bị vùi dập, hoen ố, không biết gột rửa thế nào cho hết.  => Dù hiểu theo cách nào cũng thể hiện tấm lòng son sắt thủy chung của Kiều dành cho Kim Trọng .  b. Không thể đổi vị trí hai từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên được. Vì:  - Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn đau đáu nỗi niềm thương nhớ người yêu  -Từ “xót” tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiếu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang mòm mỏi ngóng chờ tin tức của nàng.  3.Trình tự thương nhớ của Thúy Kiều: nhớ Kim Trọng trước, sau đó nhớ cha mẹ. Đây là tư tưởng tiến bộ của nhà thơ. Nó hoàn toàn hợp qui luật tâm lý của con người.   + Kiều bán mình chuộc cha và em là đã thể hiện sự hiếu lễ của bản thân với công lao cha mẹ, nên nàng phần nào đỡ day dứt. Nàng đã hy sinh chữ “ tình” để làm tròn chữ “hiếu”.  + Đối với Kim Trọng, Kiều nhận thấy mình như một kẻ phụ tình, không đền đáp được tình cảm và tấm lòng của người yêu. Nàng đã bội ước khiến tâm trạng luôn day dứt.  + Hơn thế, bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, vừa thoát khỏi lầu xanh, trong lòng ngổn ngang trăm nỗi. Cô đơn trên lầu cao, nhìn vầng trăng xưa lại nhớ người yêu cũ, nhớ đêm trăng thề non hẹn biển ngọt ngào... |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. Học thuộc lòng đoạn thơ.
2. Đọc tài liệu tham khảo liên quan trong : Tư liệu Ngữ văn 9 - Học luyện văn bản...

---------

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 7 - TIẾT 33**  Ngày soạn : ..................  Ngày dạy :.................... | **KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**  ***( Truyện Kiều – Nguyễn Du)*** |

**A.MỤC TIÊU**

( Đã trình bày ở tiết 33)

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP (7 PHÚT)**  Nhóm........Nhóm trưởng:..............................  Tìm hiểu tám câu thơ cuối đoạn trích “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” để điền vào phiếu học tập sau:  ***1. Điệp ngữ***:............................................................................................Tác dụng....  ......................................................................................................................................  ***2. Từ láy***:......................................................................................................................  Tác dụng:.....................................................................................................................  ......................................................................................................................................  3. Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng - ý nghĩa......................................................................  ......................................................................................................................................  ......................................................................................................................................  ......................................................................................................................................  ...................................................................................................................................... |

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Kĩ thuật đọc sáng tạo: Đọc diễn cảm đoạn trích.

- Kĩ thuật động não:Suy nghĩ phân tích nội dung, nghệ thuật đoạn trích Truyện Kiều.

- Kĩ thuật thảo luận nhóm: Hs thảo luận tìm nội dung theo câu hỏi của Gv.

- Kĩ thuật trình bày một phút: Trình bày suy nghĩ, cảm nhận sau khi học đoạn trích

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***Gv sử dụng phương pháp thuyết trình:***

*Cuộc đời của nhân vật Thuý Kiều có nhiều sự kiện, biến cố, ở mỗi hoàn cảnh khác nhau Kiều có những nét tâm trạng riêng. Ngòi bút của Nguyễn Du rất tinh tế trong việc thể hiện sự thay đổi đó, từ cách kể chuyện, tả cảnh đến miêu tả nội tâm... Do đó, cần chú ý đến vị trí của đoạn thơ, những sự kiện xảy ra trước đó và sau đó để hiểu và cảm thụ tốt nhất tâm trạng và phẩm chất của nhân vật.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Gọi HS đọc diễn cảm đoạn thơ?  - GV giao phiếu học tập cho nhóm trưởng và hướng dẫn cách thức thực hiện.  - Tổ chức cho HS báo cáo lần lượt từng nội dung trong phiếu học tập.  + Mỗi hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng tới cảnh ngộ - tâm trạng gì của Thúy Kiều?  - Kết hợp ý kiến học sinh và ghi bảng.  - Mối quan hệ giữa cảnh và tình.  - Gọi đây là bút pháp tả cảnh ngụ tình , em hiểu thế nào là tả cảnh ngụ tình?  - Nét đặc sắc trong bút pháp tả cảnh ngụ tình trong đoạn thơ? | c. Nghĩ về bản thân  **- Điệp ngữ: Buồn trông** (4 lần ở đầu các dòng thơ 6 tiếng)=> nét chủ đạo chi phối tâm trạng Kiều: như tiếng kêu ai oán, não nùng. Buồn mà nhìn ra xa như mong đợi diều gì đến thay đổi thực tại.-> điệp cấu trúc thơ đồng thời điệp khúc của tâm trạng  **- Hệ thống từ láy:** thấp thoáng, xa xa, man mác, dầu dầu, xanh xanh,...=> Âm điệu hiu hắt, trầm buồn bi thương, hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của nàng.  **- Hệ thống hình ảnh tượng trưng:**  + *Cánh buồm xa xa:* Gợi hành trình lưu lạc, mịt mùng, tha hương - Nỗi nhớ nhà , nhớ quê da diết...  *+Hoa trôi man mác* : thân phận mỏng manh, bèo bọt, trôi dạt lênh đênh trên dòng đời vô định- Lo lắng, sợ hãi...  *+Nội cỏ dầu dầu*: Màu của sự vàng úa, tàn lụi, chết chóc... - Đau đớn, tuyệt vọng.  *+ầm ầm tiếng sóng*…-> đảo ngữ- Dự cảm những tai hoạ đang bủa vây rình rập từ bốn phía - Tâm trạng chao đảo, nghiêng đổ - Kinh hoàng, hoảng loạn.  *=> Mỗi hình ảnh gợi ra một cảnh ngộ, một nỗi lòng hay một dự cảm về tương lai* |

*Cảnh cửa biển chiều hôm: vừa thực vừa hư, cảnh từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động...-> cảnh buồn bã, hoang vắng, hãi hùng. Tâm trạng từ buồn bã, cô đơn đến kinh hoàng, vô vọng trước số phận bị dập vùi, bị xô đẩy lênh đênh, chao đảo, nghiêng đổ, chìm nổi,... Tám câu thơ gieo vào lòng người đọc nỗi buồn thương mênh mang. Đó là bức tranh ngoại cảnh tâm cảnh đặc sắc. Tám câu thơ mượn cảnh thiên nhiên để thể hiện tình cảm- bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện của Nguyễn Du.*

***4. Tổng kết:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.  - Gọi HS đọc ghi nhớ.  - Đánh giá quan điểm nhân sinh của tác giả?  - Gọi HS nhận xét. | **-Nghệ thuật:**  **-Nội dung:**  **\* Ghi nhớ** (sgk Tr96)  **\*** Tg đã theo sát nhân vật của mình-> sự cảm thông, nỗi xót xa vô tận với Kiều |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**GV SỬ DỤNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**

Lựa chọn phần trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

1. Cụm từ “mây sớm đèn khuya”chủ yếu gợi tả điều gì?

A. Cảnh thiên nhiên lầu Ngưng Bích. C. Thời gian tuần hoàn khép kín.

B. Cảnh vật xung quanh Thuý Kiều. D. Sự tàn tạ của cảnh vật.

2. Mạch cảm xúc của Thuý Kiều trong đoạn trích là gì?

A. Nhìn cảnh lầu Ngưng Bích-> nhớ Kim Trọng-> thương cha mẹ -> lo lắng số phận của mình.

B. Nhìn cảnh lầu Ngưng Bích-> thương cha mẹ -> nhớ Kim Trọng-> lo lắng số phận của mình.

C. Nhìn cảnh lầu Ngưng Bích-> lo lắng số phận của mình-> nhớ Kim Trọng-> thương cha mẹ.

D. Nhìn cảnh lầu Ngưng Bích-> lo lắng số phận của mình-> thương cha mẹ -> nhớ Kim Trọng.

3. “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” nói lên nỗi nhớ của Kiều với ai và nhớ đến điều gì?

A. Nhớ Vương quan và cảnh chị em chơi xuân.

B. Nhớ Kim Trọng và buổi hẹn ước, thề nguyền.

C. Nhớ Thuý Vân và lời trao duyên.

D. Nhớ Mã giám sinh và cảnh bán mình chuộc cha.

4. Tâm trạng nhớ thương và tấm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ không được diễn tả qua cụm từ nào?

A. rày trông mai chờ. B. xót người tựa cửa

C. quạt nồng ấp lạnh. D. sân Lai, gốc tử.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - GV cho HS làm đề và phát biểu ý kiến về sự lựa chọn của mình.  - Tổng hợp- kết luận | - HS suy nghĩ  -Xung phong trả lời câu hỏi  - Nhận xét. | 1 - C 2 - A 3 - B 4 - C |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC - HIỂU - THI VÀO THPT**

***Đọc kỹ phần văn bản sau và trả lời câu hỏi:***

**Buồn trông** cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp *thoáng cánh buồn xa xa*

**Buồn trông** ngọn nước mới sa

*Hoa trôi man mác* biết là về đâu?

**Buồn trông** *nội cỏ dầu dầu*

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

**Buồn trông** gió cuốn mặt duyềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

(“ Kiều ở lầu Ngưng Bích” - Ngữ văn 9, tập I)

1**.** Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những trình tự nào?

2.a.Thống kê các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết ý nghĩa của hai từ trong đó em tâm đắc?

b.Trong đoạn trích trên điệp từ “buồn trông” có giá trị như thế nào trong bộc lộc tâm trạng nhân vật?

3. Hiểu biết của em về hai câu thơ:

*"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"*

|  |
| --- |
| 1.Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự từ xa tới gần. Màu sắc từ nhạt đến đậm. Âm thanh từ tĩnh đến động.  2.a.Các từ láy : man mác, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.   - *“thấp thoáng”*: Ẩn hiện nhạt nhoà, không rõ. Diễn tả tâm trạng buồn, cô đơn của Kiều trên bước đường tha hương mịt mùng và khơi gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê cồn cào, da diết.  *-“ầm ầm”*: từ láy tượng thanh. Gợi tả âm thanh dữ dội, khủng khiếp của phong ba bão táp như những tai hoạ đang bủa vây, rình rập, sẵn sàng đổ sập xuống cuộc đời người phụ nữ tài hoa, bạc phận.  b. Điệp từ “buồn trông” cất lên 4 lần ở đầu các dòng thơ 6 tiếng tạo âm hưởng trầm buồn, bi thương như chính tâm trạng con người.  - **“Buồn trông”: Buồn mà nhìn ra xa, ngóng đợi điều xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại.**   - Điệp ngữ lại kết hợp với các hình ảnh ẩn dụ tượng trưng diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều. “ Buồn trông” trở thành điệp khúc thơ đồng thời là điệp khúc của tâm trạng: Buồn triền miên trong vô vọng.  3.    Cảm nhận về hai câu thơ: “ Buồn trông” là tâm trạng chủ đạo của nhân vật.  - Hình ảnh ẩn dụ “gió cuốn mặt duềnh” gợi sự tưởng tượng của Kiều trước thực tại mù mịt, tai hoạ, hiểm nguy trước bão tố cuộc đời của Kiều.    - Âm thanh *“ầm ầm tiếng sóng”* là phép đảo ngữ để nhấn mạnh những đợt giông tố kinh khủng đang gầm thét bủa vây, rình rập từ bốn phía sẵn sàng đổ xuống vùi đập Kiều.  - Kiều tuyệt vọng. Đó là sự kinh hoàng, hoảng loạn trước những dự cảm về tương lai.  → Bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện. Cảnh được nhìn qua tâm trạng của Kiều... |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

1. Hãy so sánh hai cách giới thiệu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **\*“ Kim Vân Kiều truyện”- Thanh Tâm Tài Nhân:**  “… ngồi trên lầu này, từ phía đông trông ra biển xanh, phía bắc nhìn lên kinh kì, phía nam ngó lại Kim Lăng,phía tây trông ra dãy núi Kì Sơn, Thuý Kiều đối cảnh buồn bã, nhớ lại cái ngày cùng chàng Kim trao lời thề thốt, thân thiết biết chừng nào, mà nay vắng bặt tăm hơi,thê lương biết là dường nào, nhân cầm cây bút viét ra mười bài *Chẳng cùng* *nhau* để ghi lại tình thương nhớ” | **\* “ Truyện Kiều” – Nguyễn Du:**  Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân  Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung  Bốn bề bát ngát xa trông  Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia  Bẽ bàng mây sớm đèn khuya  Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng  Tưởng người dưới nguyệt chén đồng  Tin sương luống những dày trông mai chờ  Bên trời góc bể bơ vơ  Tấm son gột rửa bao giờ cho phai |

\* Gợi ý: vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự. “Truyện Kiều”, thiên nhiên đi đây về đó hầu như khắp cốt truyện. Thiên nhiên bao giờ cũng gắn bó với con người

2. Trao đổi với bạn về giá trị nhân đạo trong **Truyện Kiều.**

**-----------------**

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 7 - TIẾT 34**  Ngày soạn : ..................  Ngày dạy :.................... | **MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ** |

**A.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Thông qua bài hs thấy được sự kết hợp của các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự. Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự , cách sử dụng yếu tố miêu tả trong các văn bản tự sự.

***2. Kĩ năng***: Rèn kĩ năng, phát hiẹn, phân tích và vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản tự sự.

Kết hợp kể chuyện với miêu tả khi làm một bài văn tự sự.

***3. Thái độ***: Giáo dục ý thức tạo lập văn bản.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ - Giao tiếp Tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

- Phiếu học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP (5 PHÚT)**  ***Nhóm........Nhóm trưởng:..............................***  Đọc kỹ đoạn văn và điền vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | ***Đối tượng được miêu tả*** | ***Yếu tố miêu tả*** | | - Quân lính |  | | - Quang Trung |  | | - Cảnh khói lửa |  | | - Cảnh giao chiến |  | | - Cảnh quân Thanh tháo chạy |  | |

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Kĩ thuật động não:Suy nghĩ phân tích tác dụng của yếu tố miêu tả trong VBTS.

- Kĩ thuật thảo luận nhóm: Hs thảo luận tìm nội dung theo câu hỏi của Gv.

- Kĩ thuật trình bày một phút: Trình bày cách làm văn tự sự có yếu tố miêu tả.

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Trong văn bản từ sự thường được dùng kết hợp với các PTBĐ nào? PT nào phổ biến nhất? Vì sao?  - HS suy nghĩ  -Xung phong trả lời câu hỏi  - Tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung... | - TS+MT+BC+NL.  - Miêu tả là PT sử dụng phổ biến nhất trong văn tự sự.  - MT giúp các sự việc được kể trở nên cụ thể, sinh động, hấp dẫn. |

*Gv: Miêu tả là phương thức được dùng phổ biện nhất trong văn tự sự. Vậy sử dụng yếu tố miêu tả như thế nào cho hiệu quả?*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

***I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - GV giao phiếu học tập cho nhóm trưởng và hướng dẫn cách thức thực hiện.  - Tổ chức cho HS báo cáo lần lượt từng nội dung trong phiếu học tập.  - Kết hợp ý kiến học sinh và ghi bảng.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Qua nội dung phiếu học tập, em hãy nêu nhận xét về những đối tượng nào thường được miêu tả?  - Miêu tả phương diện nào của đối tượng?  - Đối chiếu với bài tóm tắt, nhận xét về vai trò của yếu tố miêu tả trong đoạn trích kể chuyện này.  - Từ đó, em hãy khẳng định lại vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự?  - G cho H đọc ghi nhớ. | 1. Ví dụ ( SGK Tr91)  2. Nhận xét:  - Quân lính-Khoẻ mạnh, lưng giắt dao...  - Quang Trung-Truyền, cưỡi voi, gấp rút sai...  - Cảnh khói lửa-Khói toả mù trời, cách gang tấc  - cảnh giao chiến - Quăng ván xuống, nhất tề ...  - Cảnh quân Thanh tháo chạy -Xéo lên nhau, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối...  Nhân vật: miêu tả hình dáng, thái độ, cử chỉ…  Sự việc: - miêu tả quang cảnh, ...   * Miêu tả tính chất sự việc,...   => Nhân vật, sự việc rõ nét hơn, chuyện hấp dẫn hơn.  3. Kết luận:  \* **Ghi nhớ (sgk Tr92)** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -G cho H đọc bài tập.  -G giao cho 2 dãy bàn tiến hành làm 2 bài tập.  -G gọi H trình bày trên bảng. Cho lớp nhận xét.  G lưu ý H cách ghi.  ? Qua đó, em có nhận xét gì về cách miêu tả mỗi con người cụ thể? vai trò của yếu tố thiên nhiên ( nhân vật thiên nhiên) trong thơ Nguyễn Du? Bài học cho em khi sử dụng yếu tố tả người.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Nêu yêu cầu bài tập.  - Hướng dẫn học sinh làm bài.  - Gọi HS báo cáo kết quả.  - Tổ chức rút kinh nghiệm | Bài 1**:**  **a. Tả người**: Thuý Vân:  - Khuôn mặt: khuôn trăng đầy đặn  - Lông mày: nét ngài nở nang. ...  + Thuý Kiều:  - ánh mắt: làn thu thuỷ.  - Nét người: Nét xuân sơn. ...  - Tài năng:  **b. Tả cảnh:**  -Cảnh ngày xuân (lễ, hội):  - Cảnh chiều xuân  Bài 2:  + Xác định yếu tố miêu tả: Nhân vật, sự việc trong đoạn trích.  + Sử dụng yếu tố miêu tả:  - Nhân vật: thái độ, cử chỉ (lúc sắm sửa rộn ràng, nhộn nhịp, ...)  - Sự vật: Âm thanh, màu sắc... |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN:**  - Tạo lập đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả để kể về hoạt động tình nguyện của học sinh trong trường ?  - Tổ chức cho HS làm bài.  - Gọi HS trình bày-rút kinh nghiệm. | -Kể về hoạt động tình nguyện.  - Xác định các sự việc chính.  - Yếu tố miêu tả: Ngoại cảnh, hành động, cử chỉ, nét mặt của các bạn... |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

Truyện Kiều là đỉnh cao của nghệ thuật tự sự trung đại.

Nhóm em hãy tìm hiểu yếu tố miêu tả trong các đoạn trích ***Truyện Kiều*** theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đoạn trích | **Tả thiên nhiên** | **Tả người** | | |
| *Ngoại hình* | *Hành động* | *Nội tâm* |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

--------- ---------------

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 7 - TIẾT 35**  Ngày soạn : ..................  Ngày dạy :.................... | **TRAU DỒI VỐN TỪ** |

**A.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***: Thông qua bài hs hiểu được những định hướng chính để trau dồi vốn từ và tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ, cách trau dồi vốn từ.

***2. Kĩ năng***: Rèn luyện kĩ năng giải nghĩa sử dụng đúng nghĩa, phù hợp với ngữ cảnh.

**KNS**: Giao tiếp: trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ.

Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

***3. Thái độ:***  Giáo dục ý thức sử dụng từ.

4. ***Năng lực cần phát triển***

- Tự học - Tư duy sáng tạo. - Hợp tác - Sử dụng ngôn ngữ - Giao tiếp Tiếng Việt.

**B. PHƯƠNG TIỆN, HỌC LIỆU**

Xem bài theo câu hỏi sgk.

**C. PHƯƠNG PHÁP/KỸ THUẬT DẠY HỌC**

- Kĩ thuật thực hành: Luyện tập sử dụng từ theo những tình huống giao tiếp cụ thể.

- Kĩ thuật động não:Suy nghĩ phân tích, hệ thống hoá các vấn đề về tự vựng Tiếng Việt.

- Kĩ thuật thảo luận nhóm: Hs thảo luận tìm từ ngữ theo yêu cầu.

**D. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Thế nào là thuật ngữ, đặc điểm của thuật ngữ ? Cho ví dụ?  -Xung phong trả lời câu hỏi  - Tham gia nhận xét, đánh giá, bổ sung... | - Khái niệm thuật ngữ.  VD: Toán: đường thẳng, đường tròn. phân số, số thập phân... |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ**.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Gọi HS đọc ví dụ SGK.  - Qua ý kiến (1) em hiểu tác giả muốn nói điều gì ?  - Quan sát phần 2.  Xác định các lỗi diễn đạt trong phần 2?  -Nguyên nhân người dùng mắc những lỗi này ?  - Như vậy để biết dùng từ cần phải làm gì ?  -Gv tổng hợp rút ra kết luận.  - Gọi HS đọc ghi nhớ | **1. Ví dụ**.  **2. Nhận xét.**  (1) Tiếng Việt rất phong phú về từ vựng và ngữ nghĩa.  ***=> Cần có ý thức trau dồi ngôn ngữ.***  (2) a. Dùng thừa từ “ đẹp ”  b. Dùng sai từ “ dự đoán”  c. Dùng sai từ “ Đẩy mạnh ”  - Vì người viết không biết chính xác nghĩa của từ.  => ***Cần phải biết nghĩa của từ, cách dùng từ.***  **3. Kết luận:** Ghi nhớ***:SGK*** |

**II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  - Gv cho hs đọc ví dụ sgk.  - Đoạn văn trên viết về việc gì?  - Hãy so sánh cách trau dồi vốn từ của Nguyễn Du với cách trau dồi ở phần 1 ?  - Vậy cách thứ 2 để trau dồi ngôn ngữ là gì ?  -Gv tổng hợp rút ra kết luận.  - Gọi HS đọc ghi nhớ | **1. Ví dụ.**  **2. Nhận xét**.  - Đoạn văn viết về việc trau dồi vốn từ của Nguyễn Du.  - Cách trau dồi vốn từ của Nguyễn Du: Học lời ăn tiếng nói của nhân dân.  =>***Mở rộng vốn từ.***  **3. Kết luận: Ghi nhớ**. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  - Cho HS thảo luận bàn.  -Gv hướng dẫn dựa vào vốn từ Hán Việt để tìm nghĩa đúng ?  - Tổ chức báo cáo, đánh giá?  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Nêu yêu cầu bài tập 2.  - Gọi 2 HS lên bảng làm.  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu các nghiã của từ phần a.  Có thể sử dụng từ điển Hán Việt để giải nghĩa.  - Gọi các HS khác nhận xét.  - GV tổng hợp - kết luận.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu các nghiã của từ phần a.Trình bày miệng.  - Cho HS làm vào vở.  - Nhận xét chung.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Gv hướng dẫn hs tìm hiểu nội dung ý kiến của Chế Lan Viên về tiếng Việt.  - Tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm.  **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  -Nêu yêu cầu bài tập 6.  - Gọi 2 HS lên bảng làm phần a,b,c.  - Gọi HS trình bày miệng d,e  - Tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm.  **THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  - Cho HS thảo luận bàn.  -Gv hướng dẫn dựa vào vốn từ Hán Việt để tìm nghĩa đúng ?  Gv hướng dẫn hs tìm hiểu tư liệu sau đó rút ra bài học về cách trau dồi vốn từ.  Cần căn cứ vào nội dung câu để điền từ thích hợp?  Gv hướng dẫn phân biệt nghĩa của các từ.  Cho hs đặt câu có sử dụng các từ đó  - Tổ chức báo cáo, đánh giá? | **Bài tập 1.**  - Hậu quả: Kết quả xấu  - Đoạt: Chiếm được phần thắng.  - Tinh tú: Sao trên trời.  **Bài tập 2.**  a. Tuyệt:  - Dứt, không còn gì -> Tuyệt giao (cắt đứt giao thiệp) ; Tuyệt chủng ( mất hẳn nòi giống) ; Tuyệt tự: ( không có người nối dõi ).  - Cực kì, nhất ->Tuyệt đỉnh (điểm cao nhất, mức cao nhất); tuyệt mật (bí mật tuyệt đối); tuyệt tác (tác phẩm văn học, nghệ thuật hay, đẹp không gì bằng )  **Bài tập 3**.  a. Thay từ “ Im lặng ”bằng từ “ Yên tĩnh”  b. Thay từ “ Thành lập” bằng “ thiết lập”  c. Thay từ “ cảm xúc” bằng “ xúc động”  **Bài tập 4**.  - Tiếng Việt là ngôn ngữ trong sáng, giàu đẹp.  - Muốn giữ gìn sự trong sáng giàu đẹp của ngôn ngữ dân tộc phải học tập lời ăn tiếng nói của nhân dân.  **Bài tập 6**.  a. Điểm yếu.  b. Mục đích cuối cùng.  c. Đề đạt.  d. Láu táu.  e. Hoảng loạn  **Bài tập 7**.  a.- Nhuận bút: Tiền trả cho người viết một tác phẩm.  - Thù lao: Trả công để bù đắp vào lao động đã bỏ ra.  b.- Tay trắng: Không còn chút của cải, vốn  - Tay trắng: Không có chút vốn liếng của cải gì.  -Trắng tay: Mất hết cả của cải, tiền bạc.  c.- Kiểm điểm: Xem xét đánh giá lại từng cái, từng sự việc.  - Kiểm kê: Kiểm lai từng cái, từng món để xác định số lượng, chất lượng |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

- Học bài- Làm bài tập 8, 9 cần dựa vào từ điển Hán Việt để làm.

- Xem lại các kiến thức về từ vựng.

- Chuẩn bị các bài tổng kết từ vựng.

--------------------